Mẫu số 03

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Vũ Lê

1.2. Địa chỉ: Lầu 1, 1248, đường Phùng Hưng, Ấp 8, Xã An Phước, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh ~~/Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác~~ [1]:

1.4. Nhãn hiệu: Honda

1.5. Tên thương mại: SCOOPY SPORTY

1.6. Mã kiểu loại (Số loại):

1.7. Số giấy chứng nhận[2]: 23KXM/245726

1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 6431/NETC-M/23/C

2. Thông số kỹ thuật của Xe

2.1. Khối lượng bản thân: 95 (kg)

2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 227 (kg)

2.3. Động cơ

2.3.1. Kiểu động cơ: JM03E Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.

2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,51 cm^3.

2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,6 /7500 kW/rpm

2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí/~~ phun nhiên liệu~~/ khác:~~[1]

2.5. Hộp số

2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động [1]

2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp

2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:

2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,625

Mẫu số 03

2.7. Lốp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trục 1: 100/90-12M/C áp suất lốp: 200 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: 100/90-12M/C áp suất lốp: 225 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013~~/. (1)

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,902 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

5. Ghi chú (*nếu có*):

.....

Đồng Nai , ngày 21 tháng 08 năm 2023.

Công ty TNHH Thương Mại &

Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Vũ Lê

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU VŨ LÊ

M.S.D.N: 3603900630 - C.T.T.N.H.H - H. LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất,lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm